TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 457/2018/DSPT Ngày: 10/5/2018 V/v Tranh chấp hợp đồng thuê nhà	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đức.

Các Thẩm phán: Ông Uông Văn Tuấn.
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Diệp Lê Quỳnh Anh – Thư ký Toà án, Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy – Kiểm sát viên.

Vào ngày 10 tháng 5 năm 2018 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2018/DSPT, ngày 14 tháng 3 năm 2018; về việc "Tranh chấp hợp đồng thuê nhà".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 122/2018/DS-ST ngày 02/02/2018 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1627/2018/QĐ-PT ngày 11/4/2018 giữa:

Nguyên đơn: **Công ty TNHH TVN.**
Trụ sở: Lô số B, khu công nghiệp GD, xã PT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.
Địa chỉ liên lạc: Phòng 1606, Tầng MS, toà nhà ST, 111A PT, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện theo pháp luật: Ông XP; sinh năm 1973; chức vụ: Tổng Giám đốc.
Đại diện theo uỷ quyền: Bà Đinh Thị Quỳnh N; sinh năm 1978. (có mặt)
Địa chỉ: Phòng 302, số C đường PKB, phường ĐK, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: **Ông Trần Quốc H;** sinh năm 1961. (có mặt)
Địa chỉ: 124/19 NVC, Phường NCT, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tạm trú: Số 105 MT1, PMH, phường TP, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Phạm Thị Thu H; sinh năm 1961. (có mặt)
Địa chỉ: 124/19 NVC, Phường NCT, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tạm trú: Số 105 MT1, PMH , phường TP, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Ông Trần Quốc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn - Công ty TNHH TVN có đại diện theo uỷ quyền là bà Đinh Thị Quỳnh N đại diện trình bày:

Ngày 14/05/2012 Công ty TNHH TVN có ký Hợp đồng thuê nhà số 42/05-12/OLSV-TVL với ông Trần Quốc H; nội dung hợp đồng: Công ty TNHH TVN thuê toàn bộ căn nhà số 6/1/2 Đường số B, phường TĐ, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Trần Quốc H; Giá thuê 114.785.000 đồng/tháng (bao gồm thuế VAT), bên thuê nhà đặt cọc 344.355.000 đồng cho năm thuê đầu tiên (tức ngày 01/7/2012 đến hết 30/6/2013); năm thuê thứ hai đặt cọc một khoản tiền là 114.785.000 đồng (từ ngày 01/7/2013 đến ngày 30/6/2014). Bên cho thuê sẽ hoàn lại tiền cọc cho bên thuê vào lúc hết hạn hợp đồng thuê và trong vòng 10 ngày làm việc, sau khi bên thuê thanh toán tất cả các hóa đơn sử dụng dịch vụ tiện ích mà bên thuê còn thiếu cho đến ngày chấm dứt hợp đồng thuê (theo Điều 4 của hợp đồng).

Kèm theo Hợp đồng số 42/05-12/OLSV-TVL còn có Phụ lục A và phụ lục Hợp đồng số 2 là phụ lục gia hạn thời gian thuê tiếp từ ngày 30/06/2014 đến ngày 16/09/2014.

Ngày 16/9/2014 hợp đồng thuê nhà hết hạn, nguyên đơn tiến hành bàn giao lại căn nhà cho ông Trần Quốc H, hai bên không có lập biên bản bàn giao nhà hay biên bản ghi nhận gì về việc hư hỏng, thiệt hại thực tế, tất cả đều được thực hiện trao đổi thông qua email với nhau, theo Điều 4 của Hợp đồng thuê số 42/05-12/OLSV-TVL thì ông Trần Quốc H có nghĩa vụ phải hoàn trả lại toàn bộ tiền đặt cọc 114.785.000 đồng vào lúc hết hạn Hợp đồng thuê và trong vòng 10 ngày làm việc, sau khi nguyên đơn thanh toán tất cả hóa đơn sử dụng dịch vụ tiện ích theo quy định trong Hợp đồng (theo các chứng từ nguyên đơn cung cấp, tức là vào ngày 28/10/2014 ông Trần Quốc H phải trả lại tiền đặt cọc).

Ngày 22/10/2014, ông Trần Quốc H gửi một thư điện tử (email) đến nguyên đơn thông báo rằng ông phải sửa lại căn nhà, mua các thiết bị điện bị mất, tổng chi phí cho việc sửa chữa, mua sắm là 68.518.000 đồng, Công ty TNHH TVN phải có trách nhiệm chi trả các khoản chi phí này.

Ngày 07/11/2014, ông Trần Quốc H tiếp tục gửi email thông báo khấu trừ thêm 15.000.000 đồng (tiền sửa chữa máy phát điện hư hỏng tổng chi phí là 29.150.000 đồng), ông Trần Quốc H cho rằng là một phần tiền sửa chữa máy

phát điện hư hỏng trong thời gian thuê nhà và ông đã thanh toán cho bên sửa chữa. Sau khi khấu trừ đi các khoản tiền 68.518.000 đồng + 15.000.000 đồng, ông Trần Quốc H chuyển trả số tiền 31.785.000 đồng còn lại vào tài khoản nguyên đơn.

Nguyên đơn Công ty TNHH TVN không đồng ý bất cứ khoản sửa chữa, mua mới, thay mới, hay bồi thường nào mà bị đơn - ông Trần Quốc H gửi qua email, vì các mục sửa chữa, mua sắm, thay mới bị đơn – ông Trần Quốc H thông báo cho nguyên đơn đều nằm trong Hợp đồng số 42/05-12/OLSV-TVL và Phụ lục A ngày 14/05/2012 kèm theo hợp đồng đã ký ban đầu giữa hai bên, bị đơn - ông Trần Quốc H phải thực hiện Phụ lục A trước khi nguyên đơn chính thức nhận và sử dụng căn nhà thuê của bị đơn.

Số tiền đặt cọc 114.785.000 đồng bị đơn - ông Trần Quốc H đang giữ của nguyên đơn, nguyên đơn đã nhận được 31.785.000 đồng chuyển qua tài khoản nguyên đơn, còn thiếu lại 83.000.000 đồng (Tám mươi ba triệu đồng) tiền đặt cọc theo Hợp đồng số 42/05-12/OLSV-TVL, nguyên đơn yêu cầu ông Trần Quốc H có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn, nhưng bị đơn - ông Trần Quốc H vẫn không đồng ý thực hiện nghĩa vụ trả số tiền trên.

Nay nguyên đơn - Công ty TNHH TVN khởi kiện yêu cầu ông Trần Quốc H phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền đặt cọc còn thiếu lại của Hợp đồng thuê nhà số 42/05-12/OLSV-TVL là 83.000.000 đồng (Tám mươi ba triệu đồng) cho nguyên đơn, không yêu cầu tính lãi, trả ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Trần Quốc H trình bày:

Ngày 14/05/2012 ông có ký Hợp đồng thuê nhà số 42/05-12/OLSV-TVL với Công ty TNHH TVN, nội dung của hợp đồng thuê nhà, giá thuê, thời gian thuê và gia hạn thời hạn thuê nhà (theo phụ lục hợp đồng 2), số tiền đặt cọc thuê nhà đúng như Công ty TNHH TVN đã trình bày.

Ngày 16/9/2014 hợp đồng thuê nhà và gia hạn thêm thời gian thuê nhà hết hạn, ông có đến tại căn nhà số 6/1/2 Đường số B, phường TĐ, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh để nhận bàn giao lại nhà như hợp đồng đã ký kết giữa hai bên, nhưng khi đến nơi thì ông không thấy ai để bàn giao nhà cho ông, nhà cửa mở toang, một số đồ đạc trong nhà khi cho thuê ông có trang bị đầy đủ, thì nay bị mất sạch, sân cỏ thì bị nhổ lên, ông có báo sự việc trên với Công ty TNHH TVN và Công an khu vực (nhưng không có lập biên bản).

Vì không nhận được bàn giao nhà trực tiếp từ Công ty TNHH TVN, trong khi đồ đạc trong nhà bị mất hết, hư hỏng, nên ông có thông báo và yêu cầu Công ty TNHH TVN phải sửa chữa lại nhà, bàn giao các đồ đạc như lúc nhận

nhà cho ông (ông gửi thông báo qua email), nhưng Công ty TNHH TVN không phản hồi và trả lời email cho ông; Ông tiếp tục gửi email bản kê chi tiết các mục phải sửa chữa, dự toán báo giá sửa chữa vào ngày 22/9/2014 cho Công ty TNHH TVN, nhưng phía Công ty TNHH TVN cũng không trả lời ông, nên ngày 07/11/2014 ông phải tự kêu thợ sửa chữa lại nhà, vì ông nghĩ còn giữ tiền cọc của Công ty, nên sau này trừ lại sau.

Khi ông sửa chữa lại nhà, mua lại các thiết bị bị mất, bị hư hỏng, ông đã thống kê tất cả, tổng số tiền sửa chữa trên và gửi qua email để Công ty TNHH TVN biết, sau khi trừ đi tất cả các chi phí đã sửa chữa, đồ đạc bị mất mát, đóng các phí dịch vụ tiện ích mà Công ty TNHH TVN sử dụng trong thời gian thuê nhà của ông, số tiền còn lại là 31.785.000 đồng ông đã chuyển trả vào tài khoản Công ty TNHH TVN, xem như không ai còn nợ ai.

Nay Công ty TNHH TVN khởi kiện yêu cầu ông trả lại số tiền đặt cọc còn thiếu là 83.000.000 đồng (Tám mươi ba triệu đồng) ông không đồng ý, lý do:

- Công ty TNHH TVN không có bất cứ văn bản nào thể hiện việc bàn giao nhà lại cho ông khi hết hạn thuê nhà, cũng như không có văn bản nào thể hiện việc Công ty TNHH TVN chi trả các dịch vụ tiện ích trong quá trình sử dụng nhà thuê.

- Việc ông sửa chữa lại căn nhà và khấu trừ chi phí sửa chữa vào tiền cọc ban đầu ông đã có trao đổi với Công ty TNHH TVN qua email, nhưng Công ty TNHH TVN không phản hồi lại cho ông, tức là Công ty TNHH TVN đồng ý để ông tự sửa chữa, mua sắm các thiết bị đã hư, mất mát và điều đó là đương nhiên Công ty TNHH TVN phải chịu trách nhiệm đối với tài sản thuê của ông, số tiền ông đã bỏ ra sửa chữa, mua thiết bị bồi thường cụ thể:

1. Sửa chữa, sơn lại tường nhà: 34.000.000 đồng (tổng cộng 69.685.000 đồng, mỗi bên chịu ½ chi phí)

2. Làm lại sân cỏ: 3.500.000 đồng (chưa VAT)

3. Hệ thống đèn: 15.000.000 đồng (chưa VAT)

4. Quạt trần: 7.500.000 đồng (chưa VAT)

5. Làm lại trần nhà bằng gỗ đỏ: 5.000.000 đồng (VAT)

6. Tẩy sơn Eposy: 3.000.000 đồng (chưa VAT)

7. Tiền tạm ứng sửa máy bơm: 15.000.000 đồng

Các chi phí dịch vụ đóng dùm: tivi 218.000 đồng, rác 300.000 đồng (2 tháng), tổng cộng: 83.518.000 đồng.

Sau khi trừ đi tổng các chi phí trên, số tiền còn lại ông đã chuyển vào tài khoản của Công ty TNHH TVN là 31.785.000 đồng. Ông xem như đã xong nghĩa vụ, ông không đồng ý trả thêm bất cứ khoản tiền nào cho Công ty TNHH TVN nữa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị Thu H (vợ ông H) vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không có bất cứ ý kiến gì gửi Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 122/2018/DS-ST ngày 02/02/2018 của Toà án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:

Về hình thức: Xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thu H.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty TNHH TVN.

- Tuyên bố Hợp đồng thuê nhà số 42/05-12/OLSV-TVL ngày 14/05/2012 giữa Công ty TNHH TVN với ông Trần Quốc H là vô hiệu.

- Buộc bị đơn ông Trần Quốc H có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn Công ty TNHH TVN số tiền đặt cọc còn lại là 83.000.000 đồng (Tám mươi ba triệu đồng) của Hợp đồng thuê nhà số 42/05-12/OLSV-TVL ngày 14/05/2012, trả ngay một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp bị đơn ông Trần Quốc H chậm thi hành khoản tiền trên thì bị đơn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 cụ thể: Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/02/2018, bị đơn – ông Trần Quốc H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn yêu cầu y án sơ thẩm.

Bị đơn – ông Trần Quốc H đề nghị nguyên đơn khắc phục bồi hoàn lại tiền mất mát tài sản hư hỏng nhà cửa theo bảng liệt kê tổng cộng 83.518.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến kết luận:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến diễn biến phiên tòa phúc thẩm, các đương sự được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét, Hợp đồng thuê nhà số 42/05-12/OLSV-TVL ngày 14/05/2012 (bao gồm Phụ lục A, Phụ lục số 1, Phụ lục số 2) giữa Công ty TNHH TVN và ông Trần Quốc H thì thời hạn hai bên ký kết việc thuê nhà là 30 tháng (tức 02 năm 6 tháng). Theo quy định tại Điều 492 Bộ luật Dân sự 2005, thì hợp đồng thuê nhà ở phải được lập thành văn bản, nếu thời hạn thuê từ 06 tháng trở lên thì phải có công chứng hoặc chứng thực và phải đăng ký, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Hợp đồng thuê nhà giữa các bên ký kết có thời hạn 02 năm 6 tháng nên theo quy định các bên phải tiến hành công chứng hợp đồng, nhưng các bên không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Như vậy Hợp đồng thuê nhà 42/05-12/OLSV-TVL ngày 14/05/2012 (bao gồm Phụ lục A, Phụ lục số 1, Phụ lục số 2) giữa Công ty TNHH TVN và ông Trần Quốc H đã vi phạm về hình thức của hợp đồng theo quy định.

Đồng thời, chủ sở hữu căn nhà số 6/1/2 Đường số B, phường TĐ, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh gồm: ông Trần Quốc H (sinh năm 1961) và bà Phạm Thị Thu H (sinh năm 1961) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 4802/SXD ngày 21/5/2004 do Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh cấp và được Văn phòng đăng ký đất đai Quận 2 cập nhật đăng bộ ngày 06/11/2009, nhưng khi ký hợp đồng cho thuê nhà với Công ty TNHH TVN, thì chỉ có ông Trần Quốc H ký, không có bà Phạm Thị Thu H cùng ký, hoặc có sự ủy quyền của bà Phạm Thị Thu H cho ông Trần Quốc H khi ký kết hợp đồng cho thuê nhà trên. Như vậy về chủ thể ký hợp đồng số 42/05-12/OLSV-TVL ngày 14/05/2012 (bao gồm Phụ lục A, Phụ lục số 1, Phụ lục số 2) không đảm bảo theo quy định của pháp luật, do đó hợp đồng bị vô hiệu ngay khi ký kết.

Theo quy định Điều 137 Bộ luật Dân sự 2005: Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập. Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình

trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường.

Phía bị đơn - ông Trần Quốc H không đưa ra được chứng cứ chứng minh ông đã sửa chữa lại căn nhà, mua sắm lại các thiết bị như lời khai của ông, tổng cộng tiền là 83.518.000 đồng, cũng không có biên bản bàn giao nhà khi cho thuê hoặc biên bản giao nhận nhà khi thanh lý nên không có cơ sở chứng minh cho việc mất tài sản, do đó không có cơ sở xem xét yêu cầu của ông, kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc Toà cấp sơ thẩm nhận định Hợp đồng thuê nhà số 42/05-12/OLSV-TVL ngày 14/05/2012 (bao gồm Phụ lục A, Phụ lục số 1, Phụ lục số 2) giữa Công ty TNHH TVN và ông Trần Quốc H vô hiệu về mặt hình thức và nội dung, và buộc ông H trả số tiền cọc còn lại là 83.000.000 đồng là đúng, cần y án sơ thẩm.

Do y án sơ thẩm, nên án phí dân sự phúc thẩm bị đơn – ông Trần Quốc H phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn – ông Trần Quốc H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 122/2018/DS-ST ngày 02/02/2018 của Toà án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH TVN.

- Tuyên bố Hợp đồng thuê nhà số 42/05-12/OLSV-TVL ngày 14/05/2012 giữa Công ty TNHH TVN với ông Trần Quốc H là vô hiệu.

- Buộc bị đơn ông Trần Quốc H có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn Công ty TNHH TVN số tiền đặt cọc còn lại là 83.000.000 đồng (Tám mươi ba triệu đồng) của hợp đồng thuê nhà số 42/05-12/OLSV-TVL ngày 14/05/2012, trả ngay một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp bị đơn ông Trần Quốc H chậm thi hành khoản tiền trên thì bị đơn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ Luật dân sự năm 2015 cụ thể: Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác

định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Trần Quốc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.150.000 đồng (Bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng), thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn Công ty TNHH TVN số tiền 2.075.000 đồng (Hai triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 06316 ngày 02/02/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn – ông Trần Quốc H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0025133 ngày 09/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trần Quốc H đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận B;
- Chi cục THADS Quận M;
- Các đương sự;
- Lưu/20.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Đình Đức